TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BM
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:03/2019/HSST

Ngày 09/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Hoàng Đình Như

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo :

Phùng Văn H sinh ngày 08 tháng 4 năm 1992 tại xã LH, huyện VX, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn LC, xã LH, huyện VX, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn : 05/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phùng Dào L (đã chết) và con bà Triệu Thị P (đã chết); Có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Có vợ: Chảo Thị H sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện BM, tỉnh HG.

(Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hiếu: Bà Nguyễn Thị Hiến - Trợ giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HG.

(Có mặt).

-Người bị hại: Anh Đặng Văn H, sinh ngày 06/7/2000
Nơi cư trú: Thôn NN, xã YC, huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt)

-Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đặng Văn T, sinh ngày 18/3/1990

Nơi cư trú: Thôn NN, xã YC, huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt)

2. Anh Đặng Văn L, sinh ngày 02/4/2002

Nơi cư trú: Thôn NN, xã YC, huyện BM, tỉnh HG

(Vắng mặt không lý do)

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn M, xã BN, huyện VX, tỉnh HG

(Vắng mặt có lý do)

- Người làm chứng:

Anh Bàn Văn S, sinh ngày 07/7/2001

Nơi cư trú: Thôn CS, xã YC, huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt)

- Người giám hộ:

1.Chị Đinh Thị Th, sinh ngày 04/10/1988

Địa chỉ: Trường PTTH huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt)

2.Chị Hoàng Thị Kim Y, sinh ngày 28/5/1991

Địa chỉ : Trường PTTH huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2018 (không nhớ ngày), Phùng Văn H, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại Thôn LC, xã LH, huyện VX, bắt xe khách từ TP. Hà Giang đi vào BM chơi với bạn do quen biết trên facebook nhưng không gặp. Quá trình tìm và chơi tại thị trấn YP, huyện BM thì gặp và làm quen với Đặng Văn L, ở thôn NN, xã Yên Cường, là học sinh đang theo học trường PTTH huyện BM. Do không gặp được bạn nên H đã theo L về phòng trọ ở cùng L và Đặng Văn H, tại thôn BC, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG được 04 ngày. H thấy H có chiếc xe mô tô BKS 23H1 – 12444, H nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô để đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Để mượn được xe H nói với H là cho H mượn chiếc xe đi ra thành phố HG để lấy tiền làm thuê trước đó, hứa khi trả xe sẽ đưa cho H 300.000đ và có cả L cùng đi, do tin tưởng H giao xe cho H. Vì không có tiền để đổ xăng H hỏi mượn tiền của L nhưng bản thân L cũng không có tiền mà phải cầm cố chiếc điện thoại của mình lấy 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* đưa cho H. Khi đổ xăng xong, cả hai ra đến thành phố HG khoảng 21 giờ cùng ngày. H đưa L ra ngồi chờ tại một quán game cùng với 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) rồi bỏ đi. L không thấy H quay lại nên phải ngủ vỉa hè đợi đến đến sáng mới bắt xe khách vào huyện BM. Ngay đêm đó H đến thẳng nhà bạn là La Văn Th, trú tại thôn MT, xã BN, huyện VX, tỉnh HG. Sáng hôm sau H hỏi Th, xem có ai mở hiệu cầm đồ nào không, thì được Th giới thiệu và dẫn đến quán sửa xe của anh Nguyễn Văn Th, tại thôn M, xã BN, huyện VX, tỉnh HG. Khi gặp anh Th, H nói là người nhà bị tai nạn giao thông nên muốn cầm cố chiếc xe để lấy tiền đưa người nhà đi viện. Thấy cứu người là cần thiết, nên anh Th chấp nhận

và đưa cho H 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), ngày hôm sau, H lại đến gặp anh Th hỏi mượn thêm 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* với lý do không đủ tiền đóng viện phí nên anh Th đưa số tiền theo yêu cầu cho H. Có tiền H bắt xe khách lên huyện BX, tỉnh LC làm thuê, số tiền chiếm đoạt được H đã chi tiêu cá nhân hết. Anh H, thấy H mượn xe lâu mà không trả và nghi nên đã làm đơn tố cáo H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan điều tra Công an huyện BM, đã điều tra, thu hồi vật chứng là chiếc xe và ra Quyết định định giá tài sản. Tại bản kết luận số 14/BKL-HĐĐGTS ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện BM, về giá trị chiếc xe mô tô BKS 23H1–124.44 là 11.750.000đ (*Mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

Ngày 27/12/2018 Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam cùng đối với Phùng Văn H.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT công an huyện đã Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 04 ngày 21/01/2019 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp một số đồ vật, tài liệu gồm:

- 01*(một)* xe mô tô Biển kiểm soát 23H1 - 12444; nhãn hiệu: HONDA, màu sơn đỏ - đen, số máy 8C12E-5418060, số khung RLHHC 1211DY419133, Xe cũ đã qua sử dụng; 01*(một)* chìa khóa xe máy và 01 *(một)* Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000084, mang tên Lão Văn T, Biển số đăng ký 23H1-12444.

Người bị hại là anh Đặng Văn H khai nhận: Do anh phải đi học xa nhà nên có mượn xe máy của chú Đặng Văn T làm phương tiện đi lại. Khoảng 16 giờ ngày 26/10/2018, một người bạn của anh tên H hỏi mượn xe về quê thăm gia đình và xin tiền để chi tiêu và hứa khi trả xe đưa cho anh 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nên anh tin và đưa xe cho mượn, đợi mãi không thấy trả nên anh báo cáo với công an huyện BM. Quá trình điều tra, cơ quan công an đã thu được xe và trả lại cho chú anh nên không có ý kiến gì thêm.

Anh Đặng Văn T xác nhận việc cháu H bị H lừa như thế nào thì không rõ, nhưng chiếc xe máy là của anh *(Xe anh T mua lại nhưng chưa sang tên đổi chủ),* sau đó đã cho cháu H mượn để có phương tiện đi lại. Khi cơ quan điều tra thu giữ được xe, anh đã làm đơn xin trả lại tài sản và được cơ quan công an trả lại chiếc xe máy rồi. Việc xử lý hành vi của H là do pháp luật quy định, anh không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn Th khẳng định chính H có đến quán sửa xe của anh nói có người nhà phải đi viện, cần tiền gấp nên đề nghị để lại chiếc xe máy để vay tiền của anh với tổng số tiền là 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng chẵn).* Lúc giao tiền không làm giấy tờ mà thỏa thuận bằng miệng rồi hẹn 10 ngày sau sẽ đến thanh toán và nhận lại xe. Nay xe bị Cơ quan điều tra thu giữ nên anh yêu cầu H phải trả lại cho anh số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng chẵn).*

Đối với anh Đặng Văn L, đã cầm cố chiếc điện thoại của mình lấy 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* đưa cho H vay. Khi đi cùng H ra đến thành phố HG, H đã đưa cho anh L 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*). Nay anh đề nghị bị cáo Phùng Văn H phải trả lại số tiền còn lại là 430.000đ (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Người làm chứng là Bàn Văn S, xác nhận sự việc như nội dung và lời khai của

anh H.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSBM ngày 26/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG đã truy tố bị cáo Phùng Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015. Tại phiên tòa, kiểm sát viên duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); cho anh Đặng Văn L 430.000đ (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phùng Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 321.500đ án phí dân sự có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị Hiến – Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H, đồng thuận với quan điểm của viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo đang ốm đau bệnh tật, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc ít người, gia đình khó khăn, trình độ học vấn và hiểu pháp luật còn hạn chế nên đã có hành vi vi phạm pháp luật vì vậy đề nghị HĐXX đối chiếu với các quy định tình tiết giảm nhẹ hình phạt của pháp luật cho bị cáo với mức hình phạt tù bằng thời gian tạm giam, cho bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H nhất trí với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho mình và nhận thấy rất ân hận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện bản thân và gia đình bị cáo còn nhiều khó khăn, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hứa không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố

tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: vắng mặt Ông Nguyễn Văn Th – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đối với anh Đặng Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy vắng mặt không có lý do, nhưng HĐXX nhận thấy trong hồ sơ đã thể hiện đầy đủ và có mặt của người giám hộ cho L nên việc anh L vắng mặt, không trở ngại cho việc xét xử, nên HĐXX vẫn tiến xét xử theo quy định.

[2] Về căn cứ định tội: Bị cáo H đã thực hiện hành vi gian dối, đưa ra các lý do không đúng, lợi dụng sự tin tưởng để người bị hại giao tài sản (Xe máy) cho bị cáo mượn sau đó H thực hiện hành vi đem cầm cố để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi và lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được cơ quan điều tra thu thập, phù hợp với bản phúc cung ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Kiểm sát viên, Viện KSND huyện BM. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền bất khả sâm phạm đến tài sản của người khác được nhà nước bảo vệ nên cần phải xử lý một cách nghiêm minh để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy có giá trị là 11.750.000đ *(Mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* nên bị cáo H bị truy tố theo quy định khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là có cơ sở và đúng với các quy định của pháp luật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, lời khai của những người tham gia tố tụng có trong hồ sơ và quá trình tranh luận tại phiên tòa.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không có

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn H khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; phạm tội ít nghiêm trọng. Về nhân thân của bị cáo cho thấy chưa có tiến sự, tiền án, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, sự am hiểu pháp luật còn hạn chế nên cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt bằng thời gian tạm giam *(tính từ ngày bị bắt là 18/12/2018 đến ngày xét xử)*. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là đề nghị không hợp lý bởi vì bị cáo bị khởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt tù thấp nhất từ 06 tháng đến 03 năm tù giam vì vậy không có cơ sở để chấp nhận. Về việc đề nghị cho bị cáo miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm thì trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo thuộc diện hộ nghèo hay bệnh tật đặc biệt nghiêm trọng... nên cũng không được chấp nhận.

Đối với đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 09 đến 12 tháng tù đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Hiếu, vì vậy HĐXX xét

thấy đề nghị như vậy là phù hợp.

[4] Đối với những người tham gia tố tụng khác:

Trong vụ án này người bị hại Đặng Văn H bị H lừa dối nên tin tưởng giao xe máy cho bị cáo, tuy nhiên chiếc xe thuộc sở hữu của anh Đặng Văn T. Anh H chỉ là người được anh T giao tài sản để quản lý và sử dụng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu, trả lại cho anh Tằng theo quy định. nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn Th khi giao dịch cầm cố chiếc xe máy với bị cáo Phùng Văn H đã không biết chiếc xe là do bị cáo H phạm tội mà có, chỉ vì tin H có người nhà bị tai nạn nên đã đồng ý cho H cầm cố chiếc xe không có giấy tờ là tài sản để đảm bảo cho số tiền vay, nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự, HĐXX không xem xét.

Đối với Đặng Văn L là người cho H vay số tiền 450.000,đ *(Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* sau đó đi cùng H ra thành phố HG, và được bị cáo H đưa lại 20.000,đ *(Hai mươi nghìn đồng)*. Quá trình đi cùng nhau L không có sự bàn bạc, thống nhất gì với bị cáo H về việc lừa chiếc xe máy của H mang đi bán nên không bị xử lý trách nhiệm hình sự, tại hồ sơ Đặng Văn L yêu cầu H phải trả lại cho L số tiền còn lại 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* là có cơ sở được chấp nhận.

Anh La Văn Th là bạn của H đã trực tiếp dẫn bị cáo đến quán sửa xe của anh Th để cầm cố xe, nhưng quá trình giao tiếp giữa anh Th và bị cáo thì anh Th không có mặt ở đó và cũng không có hứa hẹn hay thỏa thuận trước nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Việc bị cáo Phùng Văn H đã đem xe máy lừa được đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn Th lấy số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng chẵn),* nay anh Th yêu cầu H phải trả lại số tiền đã đưa. Đặng Văn L là người cho H vay số tiền 450.000,đ *(Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* sau đó đi cùng H ra thành phố HG, và được bị cáo H đưa lại 20.000,đ *(Hai mươi nghìn đồng)*. Xét thấy đây là giao dịch dân sự thuần túy, ngay tình nên căn cứ theo quy định tại khoảng 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 cần buộc H phải có trách nhiệm trả lại cho anh Th, anh L theo quy định.

[6]Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 bị cáo H còn có thể bị hình phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000,đ đến 100.000.000,đ song xét điều kiện bản thân bị cáo không có tài sản, công việc, thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Phùng Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2.Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ khi bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/12/2018.

3. Về hình phạt bổ sung: Không

4.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoảng 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Xử buộc bị cáo phải trả cho:

+ Anh Nguyễn Văn Th, hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã BN, huyện VX, tỉnh HG số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng chẵn*)

+ Anh Đặng Văn L, hộ khẩu thường trú tại thôn NN, xã YC, huyện BM, tỉnh HG số tiền 430.000đ (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hằng tháng bên phải thi hành án phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS 2015; Khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phùng Văn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồn*g) án phí hình sự sơ thẩm và 321.500đ (*Ba trăm hai mốt nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu là 521.500đ (*Năm trăm hai mốt nghìn năm trăm đồng*)

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo**: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh HG;
- VKS tỉnh Hà Giang, VKS H.BM;
- Công an huyện BM;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV06 CA tỉnh HG;
- Cơ quan THAHS CA huyện BM;
- Chi cục THADS huyện BM;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- UBND xã LH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án&Hồ sơ THA HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Văn Minh